

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2023

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

Tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Thương

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2022; về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Thu H**, sinh năm 1996; Nơi cư trú: **Số D, đường T, tổ E, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

2. Bị đơn: Anh **Bùi Quốc V**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: **Số B, đường C tháng 2, tổ E, khu phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị **Hoàng Thị Thu H**, anh **Bùi Quốc V** tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại **UBND thị trấn Đ**, **huyện Đ**, **tỉnh Bình Thuận**. Sau khi kết hôn chị **H**, anh **V** chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **V** thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, vợ con, thỉnh thoảng kiếm chuyện chửi bới chị **H** vô cớ. Bản thân chị **H** đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh **V** vẫn không thay đổi được. Vào tháng 04/2023 anh **V** đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Cũng kể từ đó chị **H**, anh **V** ly thân, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị **H** không còn tình cảm với anh **V** và không mong muốn tiếp tục chung sống với anh **V** nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Quá trình chung sống chị **H**, anh **V** có 01 con chung **Bùi Ngọc Khánh A**, sinh ngày 18/01/2020. Khi ly hôn chị **H** có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh **V** phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Hiện nay chị **H** làm công nhân, mỗi tháng thu nhập bình quân 10.000.000 đồng. Anh **V** cũng làm công nhân bình quân mỗi tháng thu nhập từ 12.000.000 đồng -13.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Về nội dung vụ án anh **V** đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung **Bùi Ngọc Khánh A**, sinh ngày 18/01/2020 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **H** được ly hôn với anh **V** và giao con chung **Bùi Ngọc Khánh A**, sinh ngày 18/01/2020 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng; Buộc anh **V** phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh **Bùi Quốc V** có nơi thường trú tại **huyện Đ** nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị **Hoàng Thị Thu H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng tiền nuôi con với anh **Bùi Quốc V** nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” được quy định tại khoản 1, 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Chị **Hoàng Thị Thu H**, anh **Bùi Quốc V** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 05 tháng 12 năm 2018, số 186, tại **Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ** đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị **H**, anh **V** chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, mặc dù cả hai đã nhiều lần tự động viên, khuyên bảo, nhau thay đổi chung sống hạnh phúc, nhưng không kết quả, nên vợ chồng sống ly thân. Hiện nay chị **H** không còn tình cảm với anh **V** nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bản thân

anh **V** cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ, tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **V** đã kéo dài, trầm trọng, hạnh phúc không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị **H** được ly hôn với anh **V** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, chị **H** có nguyện vọng nuôi con và anh **V** cũng đồng ý giao con **Bùi Ngọc Khánh A**, sinh ngày 18/01/2020 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các bên, giao cháu **A** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh **V** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh **V** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **V**.

[6] Quá trình giải quyết vụ án chị **H** yêu cầu anh **V** phải cấp dưỡng tiền nuôi con **Bùi Ngọc Khánh A** mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị **H** là có căn cứ, bởi lẽ chị **H** là người trực tiếp nuôi con, nên anh **V** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, ngoài ra mức cấp dưỡng 3000.000 đồng/tháng mà chị **H** đưa ra là phù hợp với mức sống tại địa phương, cũng như nhu cầu hiện tại của con và bản thân anh **V** cũng đồng ý. Do đó, cần buộc anh **V** phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng như yêu cầu của chị **H** là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt trong trường hợp quy định tại Điều 118 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị **H** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung.

[7] Các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Cần buộc chị **H** phải chịu án phí ly hôn, anh **V** phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp.

[9] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Hoàng Thị Thu H.**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Hoàng Thị Thu H** được ly hôn với anh **Bùi Quốc V.**

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 05 tháng 12 năm 2018, số vào sổ 186, tại **Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ** hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao cho chị **Hoàng Thị Thu H** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung **Bùi Ngọc Khánh A**, sinh ngày 18/01/2020.

Anh **Bùi Quốc V** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản. Trường hợp anh **V** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **V**.

3. *Về cấp dưỡng:* Anh **Bùi Quốc V** phải cấp dưỡng tiền nuôi con **Bùi Ngọc Khánh A**, sinh ngày 18/01/2020 cho chị **Hoàng Thị Thu H** mỗi tháng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Chị **H** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh

trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị **Hoàng Thị Thu H** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015147, ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị **H** đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Anh **Bùi Quốc V** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- UBND TT Đức Tài, huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường